

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ**  
**Về việc chọn nhà cung cấp chất chuẩn**

Căn cứ Thông báo số 219/TB-TTKN ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ về việc mua sắm chất chuẩn, vật tư linh kiện, dụng cụ.

Căn cứ kết quả cuộc họp Hội đồng Khoa học Công nghệ cơ sở của Trung tâm ngày 12 tháng 11 năm 2025.

Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ xin thông báo CÔNG TY TNHH HỢP NHẤT BA CHÍNH đạt yêu cầu trong việc lựa chọn nhà cung cấp.

Trung tâm xin thông báo để các nhà cung cấp được biết và mong muốn sẽ được hợp tác trong thời gian tiếp theo.

Trân trọng./. 

**Nơi nhận:**

- Các nhà cung cấp;
- Ban Giám đốc, các phòng;
- Phòng HCQT-TCCB;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lâm Hoàng Dũng**

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM  
THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM



**NHÓM HÀNG: CHẤT CHUẨN**  
**Nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH HỢP NHẤT BA CHÍN**

(Đính kèm Thông báo kết quả số 981 /TB-TTKN ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ về việc chọn nhà cung cấp chất chuẩn)

| Stt | Tên hàng<br>(Theo YCBG)  | Tên hàng<br>(Theo NCC báo giá) | Công thức<br>hóa học/ Tên<br>khoa học | Quy cách<br>đóng gói | Số<br>lượng | Tính năng<br>kỹ thuật    | Nguồn gốc/<br>Xuất xứ | Hạn dùng   | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|-----------------------|------------|------------|
| 1.  | Dexamethason<br>acetat   | Dexamethason acetat            | $C_{24}H_{31}FO_6$                    | Lọ 120 mg            | 02          | Định tính/<br>Định lượng | HCMC<br>IDQC          | 30/06/2028 | Có<br>sẵn  |
| 2.  | Triamcinolon<br>acetonid | Triamcinolon<br>acetonid       | $C_{24}H_{30}F_2O_6$                  | Lọ 120 mg            | 02          | Định tính/<br>Định lượng | HCMC<br>IDQC          | 30/06/2028 | Có<br>sẵn  |
| 3.  | Roxithromycin            | Roxithromycin                  | $C_{41}H_{76}N_2O_{15}$               | Lọ 120 mg            | 04          | Định tính/<br>Định lượng | HCMC<br>IDQC          | 30/03/2027 | Có<br>sẵn  |
| 4.  | Sulfamethoxazol          | Sulfamethoxazol                | $C_{10}H_{11}N_3O_3S$                 | Lọ 120 mg            | 04          | Định tính/<br>Định lượng | HCMC<br>IDQC          | 30/06/2030 | Có<br>sẵn  |

*Handwritten signature*

**Tổng số: 04 mặt hàng.**